

NGÀNH: NHỰA
Ngày 17 tháng 11 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG (HNX: NTP)
Phan Ngọc Chi

Chuyên viên Tư vấn Đầu tư

Email: chipn@fpts.com.vn

Điện thoại: 1900 6446

Phạm Thị Thảo Vy

Chuyên viên Phân tích Cơ bản

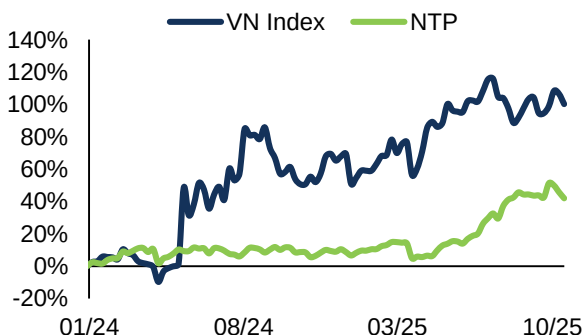
Email: vyptt@fpts.com.vn

Điện thoại: 1900 6446 - Ext: 7596

Người phê duyệt báo cáo:

Bùi Đức Duy

Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư

Biểu đồ 1: Diễn biến giá cổ phiếu NTP và VNIndex

Thông tin giao dịch (17/11/2025)

Giá hiện tại (VND/cp)	63.400
Giá cao nhất 52 tuần (VND/cp)	70.000
Giá thấp nhất 52 tuần (VND/cp)	44.419
Số lượng CP niêm yết (triệu cp)	142,5
Số lượng CP lưu hành (triệu cp)	171
KLGD bình quân 30 ngày (cp)	266.150
% sở hữu nước ngoài	0,0%
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10.863
P/E trailing 12 tháng (lần)	10,8
EPS trailing 12 tháng (VND/cp)	5.885

Tổng quan doanh nghiệp

Tên	CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong
Địa chỉ	222 Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo, Thành phố Hải Phòng
Doanh thu	Ống và phụ tùng nhựa xây dựng
Chi phí	Chi phí nguyên liệu (hạt nhựa)
Rủi ro	Biến động giá hạt nhựa

 Giá hiện tại: **63.400**

 Giá mục tiêu: **74.100**

 Tăng/(giảm): **+16,9%**

Khuyến nghị

MUA
DUY TRÌ THUẬN LỢI KÉP TỪ NHU CẦU HỒI PHỤC VÀ GIÁ HẠT NHỰA GIẢM

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu NTP với giá mục tiêu là **74.100 VND/cp**, cao hơn **16,9%** so với giá đóng cửa ngày 17/11/2025 (bằng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền FCFE và FCFE).

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ:

Chúng tôi dự phóng doanh thu năm 2025F đạt 6.422 tỷ VND (+13,5% YoY & 112,2% KH2025), CAGR giai đoạn 2025F – 2029F đạt 5,9%/năm. Biên lợi nhuận gộp năm 2025F dự phóng đạt 31,5% (+0,2 đpt) và biên lợi nhuận gộp trung bình giai đoạn 2026F – 2029F đạt 31,5%.

- **Sản lượng tiêu thụ kỳ vọng tăng trưởng nhờ nhu cầu xây dựng dân dụng và hạ tầng phục hồi theo ngành bất động sản và đầu tư công.** Theo dự báo của BMI, trong giai đoạn 2025F – 2029F, CAGR mảng xây dựng nhà ở, nhà không để ở, hạ tầng nước lần lượt đạt 7,3%, 7,1% và 5,2%. Qua đó, chúng tôi dự phóng sản lượng tiêu thụ năm 2025F đạt 131.285 tấn (+21,2% YoY), tăng trưởng CAGR = 6,2%/năm trong giai đoạn 2026F – 2029F ([Chi tiết](#)).
- **Giá bán phân khúc dân dụng kỳ vọng giữ ổn định nhờ lợi thế về thương hiệu phân phối, trong khi giá bán phân khúc hạ tầng biến động mạnh hơn do đối mặt áp lực cạnh tranh cao.** Trong 2025F, chúng tôi dự phóng giá bán trung bình đạt 51,3 triệu VND/ tấn (-1,8% YoY) do đẩy mạnh bán cho dự án với tỷ lệ giảm giá cao hơn hệ thống phân phối khiến giá bán trung bình giảm nhẹ ([Chi tiết](#)).
- **Giá hạt nhựa dự báo neo ở mức thấp** trong năm 2025F, và duy trì đi ngang trong thời gian tới trong bối cảnh nhu cầu suy yếu và nguồn cung dư thừa ([Chi tiết](#)).

RỦI RO ĐẦU TƯ:

- **Biến động giá hạt nhựa** ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của NTP (chiếm khoảng 70% giá vốn hàng bán). Triển vọng giá hạt nhựa có thể chịu ảnh hưởng từ diễn biến (1) chính sách thuế quan của Mỹ và (2) bất ổn chính trị tại Trung Đông.

CẬP NHẬT KQKD 9T/2025:

Doanh thu đạt 4.870 tỷ VND (+27,2% YoY & 81,2% KH2025), với lợi nhuận sau thuế đạt 790 tỷ VND (+52,2% YoY & 110,9% KH2025). Biên lợi nhuận gộp 9T/2025 đạt 30,7% (+0,1 đpt YoY) do NTP đẩy mạnh bán cho dự án với tỷ lệ giảm giá cao hơn hệ thống phân phối khiến giá bán trung bình giảm nhẹ.

I. TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

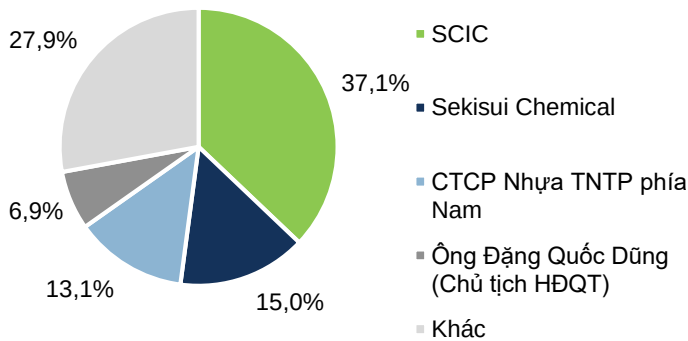


Công ty cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (HNX: NTP) kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất ống nhựa và phụ tùng ống nhựa, dẫn đầu về quy mô và thị phần của ngành trong các năm gần đây. Thị trường chính của NTP ở khu vực miền Bắc, tập trung cung cấp các loại sản phẩm nhựa PVC, PP-R cho mảng xây dựng dân dụng (chiếm khoảng 80% doanh thu) và sản phẩm nhựa HDPE cho mảng xây dựng hạ tầng (chiếm khoảng 20% doanh thu).

Nhìn chung, lượng thông tin được công bố từ doanh nghiệp không nhiều. Do đó, số liệu chúng tôi sử dụng trong bài phân tích phần lớn là ước tính của chuyên viên.

1. Cơ cấu cổ đông

Biểu đồ 2: Cơ cấu cổ đông của NTP cô đặc



Cơ cấu cổ đông của NTP cô đặc với cổ đông nhà nước SCIC nắm giữ 37,1% cổ phần và Sekisui Chemical – tập đoàn chuyên về các vật liệu cấp thoát nước của Nhật Bản nắm giữ 15% cổ phần.

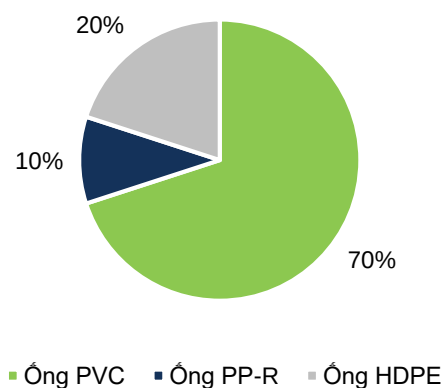
Về cổ đông SCIC, NTP đã nằm trong danh sách thoái vốn SCIC trong nhiều năm, tuy nhiên tới nay chưa hoàn tất thoái vốn.

Về cổ đông Sekisui Chemical, Sekisui Chemical và Nhựa Tiền Phong đã ký hợp đồng hợp tác trong việc NTP hỗ trợ phân phối sản phẩm của Sekisui Chemical, ngược lại NTP sẽ được hỗ trợ về chuyển giao công nghệ, khuôn mẫu,...

Nguồn: NTP

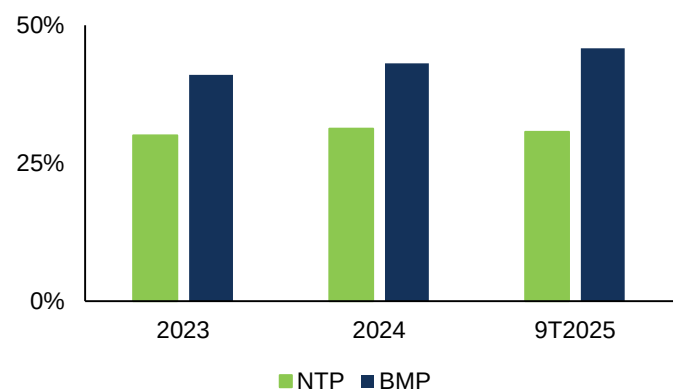
2. Tổng quan hoạt động kinh doanh

Biểu đồ 3: Cơ cấu doanh thu của NTP chủ yếu đến từ ống nhựa PVC



Nguồn: FPTS ước tính

Biểu đồ 4: BLNG của NTP thấp hơn BMP do (1) giá bán thấp hơn và (2) NTP nhập khẩu 100% hạt nhựa



Nguồn: NTP, BMP, FPTS tổng hợp

Về cơ cấu doanh thu, chúng tôi ước tính ống HDPE chiếm 20% doanh thu, ống PVC và PP-R chiếm lần lượt 70% và 10% doanh thu. Ống nhựa HDPE phụ thuộc vào nhu cầu xây dựng hạ tầng, tiến độ giải ngân đầu tư công; ống nhựa PVC, PP-R phụ thuộc vào nhu cầu xây dựng nhà ở.

Về biên lợi nhuận gộp, trong những năm gần đây, NTP thường có biên lợi nhuận gộp thấp hơn BMP do (1) NTP có giá bán sản phẩm trung bình thấp hơn BMP khoảng 10% từ năm 2022 và (2) NTP nhập khẩu 100% hạt nhựa (trong khi BMP có sẵn nguồn cung trong nước), nên chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá VND/USD.

II. CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 9T/2025

Đơn vị: Tỷ VND	Q3/2025	%YoY	9T/2025	%YoY	Diễn giải
Doanh thu thuần	1.610	34,1%	4.870	27,2%	Tăng trưởng nhờ ngành xây dựng tiếp tục hồi phục, giúp thúc đẩy sản lượng ống nhựa 9T/2025 của NTP tăng trưởng 27,4% YoY.
Lợi nhuận gộp	499	45,7%	1.495	27,8%	
Biên lợi nhuận gộp	31%	2,5 đpt	30,7%	0,1 đpt	Giá hạt nhựa PVC trung bình giảm 8,3% YoY, bù đắp giá bán trung bình giảm 1,7% YoY do NTP đẩy mạnh bán cho dự án với tỷ lệ giảm giá cao hơn hệ thống phân phối.
Chi phí bán hàng	131,4	+43,8%	409,3	+4,8%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	68,8	+37,3%	196,8	+31,2%	
%CPBH%QLDN/DTT	12,4%	0,6 đpt	12,4%	-1,7 đpt	
Lợi nhuận từ HĐKD	312,4	47,8%	944,2	51,6%	
Thu nhập tài chính	46,9	89,9%	124,4	104,9%	Chủ yếu đến từ lãi tiền gửi, trong đó tiền gửi ngắn hạn đạt 2.679 tỷ VND, tăng 62,4% YoY, giúp lãi tiền gửi đạt 118,8 tỷ VND (+114,4% YoY).
Chi phí tài chính	37,8	118,5%	111,9	38,0%	Nợ vay ngắn hạn của NTP 9T/2025 đạt 1.983 tỷ VND, tăng 53,1% YoY, để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh tăng cao.
Chi phí lãi vay	23,3	73,9%	60,6	64,2%	
Lãi (lỗ) từ công ty liên kết	4,5	55,2%	42,7	214%	
LNTT	313,7	50,1%	948,9	52,0%	
LNST	257,6	49,9%	790	52,2%	

Nguồn: NTP, FPTS tổng hợp

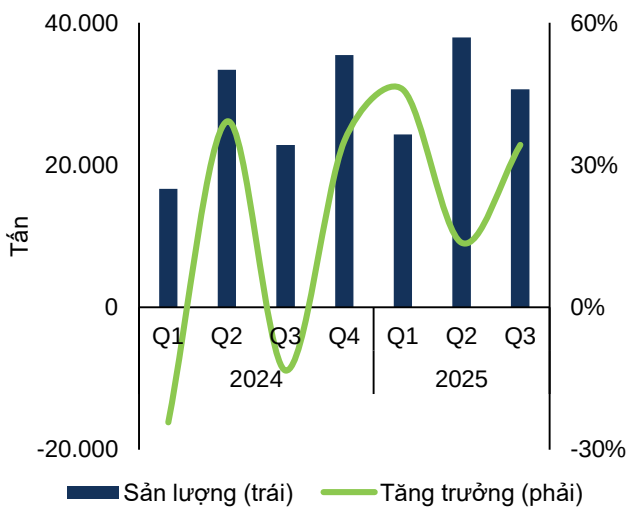
1. Doanh thu 9T/2025 tăng nhờ nhu cầu xây dựng tại miền Bắc tích cực

Doanh thu 9T/2025 của NTP đạt 4.870 tỷ VND (+27,2% YoY) nhờ nhu cầu xây dựng tại khu vực miền Bắc tích cực, qua đó thúc đẩy sản lượng tiêu thụ của NTP, trong khi vẫn duy trì được giá bán niêm yết ổn định ở các phân khúc sản phẩm.

Sản lượng tiêu thụ ống và phụ tùng ống nhựa Q3/2025 của NTP đạt 30.642 tấn (+34,2% YoY), 9T/2025 đạt 92.871 tấn (+27,4% YoY) nhờ tình hình xây dựng dân dụng và hạ tầng tại khu vực miền Bắc cải thiện. Cụ thể, mảng xây dựng dân dụng (chiếm khoảng 80% doanh thu của NTP) được thúc đẩy bởi các chính sách tháo gỡ pháp lý về bất động sản, đồng thời, mảng xây dựng hạ tầng (chiếm khoảng 20% doanh thu) được thúc đẩy bởi định hướng đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ. Tính đến hết T9/2025, tổng giá trị đầu tư công khu vực miền Bắc đã đạt 165.993 tỷ VND (+63,7% YoY), tiến độ giải ngân đã đạt 56,0% kế hoạch.

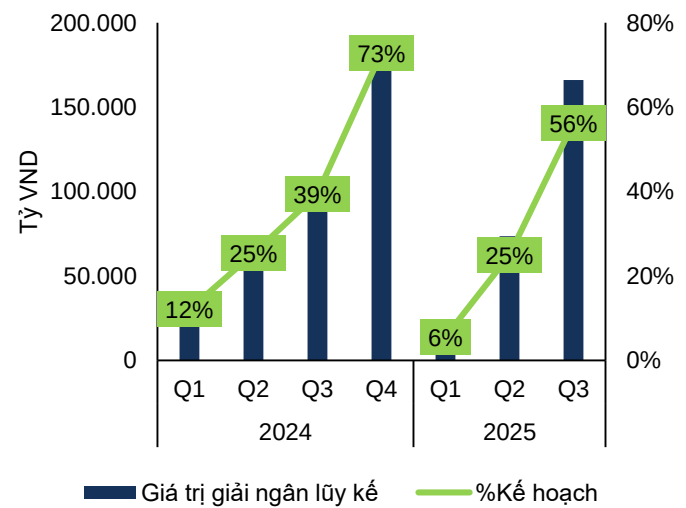
Về chính sách bán hàng, theo chúng tôi, trong Q3/2025, NTP không thực hiện chính sách khuyến mãi và có xu hướng khuyến mãi xen kẽ vào các đợt cao điểm nhu cầu xây dựng của năm như quý 2 và quý 4.

Biểu đồ 5: Sản lượng của NTP tăng trưởng nhờ tình hình xây dựng miền Bắc cải thiện



Nguồn: NTP, FPTS ước tính

Biểu đồ 6: Giải ngân đầu tư công khu vực miền Bắc tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ



Nguồn: Bộ Tài chính, FPTS tổng hợp

Về giá bán, chúng tôi ước tính giá bán niêm yết các loại sản phẩm gần như không thay đổi, tuy nhiên giá bán trung bình 9T/2025 giảm nhẹ, do NTP đẩy mạnh bán cho dự án với tỷ lệ chiết khấu cao hơn hệ thống phân phối. Cụ thể, chúng tôi ước tính giá bán trung bình của NTP 9T/2025 đạt 52,4 triệu VND/tấn (-1,7% YoY).

Biểu đồ 7: Giá bán trung bình 9T/2025 của NTP giảm nhẹ do thay đổi cơ cấu sản lượng tiêu thụ

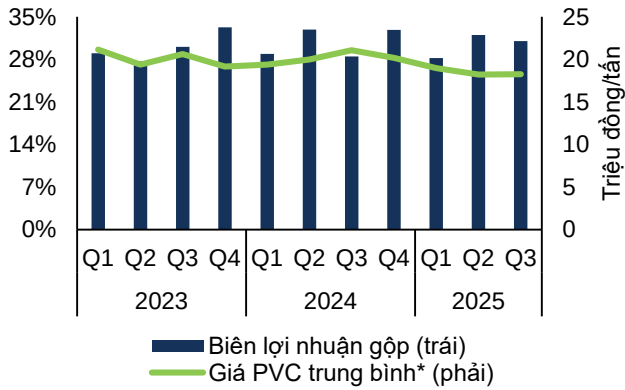


Nguồn: FPTS ước tính

2. Biên lợi nhuận gộp đi ngang so với cùng kỳ do giá bán trung bình giảm nhẹ

Biên lợi nhuận gộp 9T/2025 của NTP đạt 30,7% (+0,1% YoY), đi ngang, duy trì khả quan nhờ giá hạt nhựa giảm, bù đắp lại việc giá bán trung bình của NTP giảm nhẹ do đẩy mạnh bán cho dự án với tỷ lệ giảm giá cao hơn hệ thống phân phối.

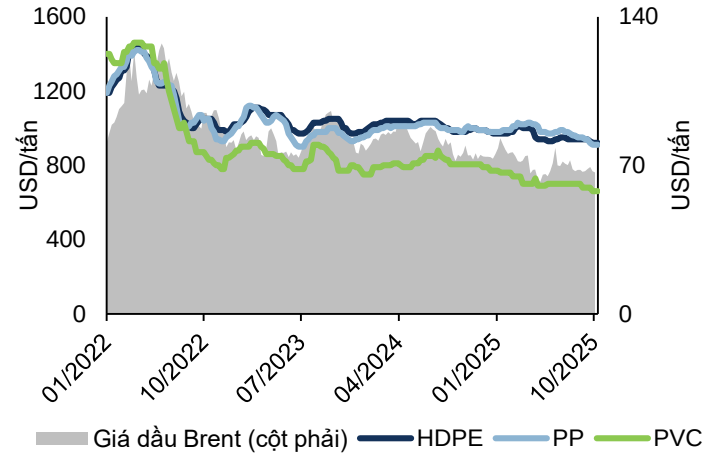
Biểu đồ 8: Biên lợi nhuận gộp của NTP đi ngang so với cùng kỳ



*Giá PVC nhập khẩu về Việt Nam, sau khi đã điều chỉnh do tác động của tỷ giá VND/USD.

Nguồn: FPTTS tổng hợp

Biểu đồ 9: Giá các loại hạt nhựa và giá dầu thô có xu hướng giảm và neo ở mức thấp



Nguồn: Bloomberg, FPTTS tổng hợp

Giá hạt nhựa PVC 9T/2025 (Nguyên liệu chính cho mảng ống nhựa dân dụng - chiếm 70% doanh thu) duy trì mức thấp từ đầu năm, trung bình đạt 713,1 USD/tấn (-12% YoY), giúp biên lợi nhuận gộp 9T/2025 của NTP đi ngang so với cùng kỳ, dù giá bán trung bình giảm 1,7% YoY. Tuy nhiên, do phải nhập khẩu hạt nhựa 100%, nên giá hạt nhựa nhập khẩu của NTP cũng chịu ảnh hưởng tiêu cực khi tỷ giá VND/USD tăng từ đầu năm. Cụ thể, giá hạt nhựa PVC sau khi điều chỉnh về thị trường Việt Nam 9T/2025 trung bình đạt 18,5 triệu đồng/tấn, giảm 8,3% YoY, ít hơn mức giảm 12% YoY trên thị trường thế giới.

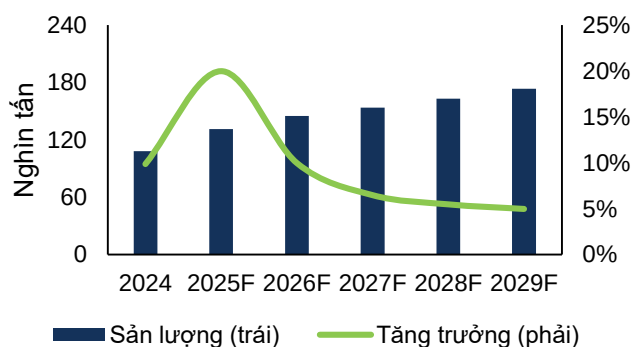
Bên cạnh đó, giá các loại hạt nhựa khác đều đang trong xu hướng giảm và neo ở mức thấp từ đầu năm, cũng góp phần cải thiện biên lợi nhuận gộp của NTP. Cụ thể, trong 9T/2025, giá hạt nhựa HDPE trung bình đạt 959,2 USD/tấn (-6,2% YoY) và giá hạt nhựa PP đạt 984,9 USD/tấn (-1,9% YoY). Nguyên nhân của xu hướng giảm này đến từ (1) nhu cầu suy yếu trong bối cảnh nguồn cung dư thừa, đặc biệt tại các thị trường lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, (2) giá dầu thô đã giảm 14,1% YoY.

III. TRIỂN VỌNG VÀ DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH

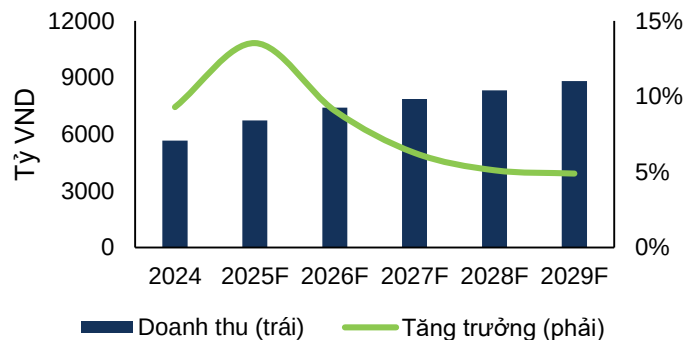
1. Doanh thu kỳ vọng tăng trưởng nhờ nhu cầu tiếp tục hồi phục khả quan

Qua đó, chúng tôi dự phóng doanh thu của NTP năm 2025F đạt 6.733 tỷ VND (+19,0% YoY) và trong giai đoạn 2026F – 2029F, doanh thu tăng trưởng với CAGR = 5,9%/năm.

(1) Về sản lượng, trong năm 2025, chúng tôi dự phóng sản lượng tiêu thụ ống nhựa và phụ tùng ống nhựa của NTP đạt 131.285 tấn (+21,2% YoY) và trong giai đoạn 2026F – 2029F, sản lượng tăng trưởng với CAGR = 6,2%/năm. Trong Q4/2025, nhu cầu xây dựng cả nước và khu vực miền Bắc được kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng. Cụ thể, về mảng xây dựng dân dụng, chúng tôi kỳ vọng các giải pháp tháo gỡ khó khăn pháp lý tiếp tục đem lại hiệu quả cho thị trường bất động sản. Về mảng xây dựng hạ tầng, tiến độ giải ngân đầu tư công khu vực miền Bắc tính đến hết Q3/2025 mới chỉ đạt 56,2%, kỳ vọng còn nhiều dư địa tăng trưởng cho ngành xây dựng từ giờ đến cuối năm. Trong giai đoạn 2026F – 2029F, với kỳ vọng ngành xây dựng khả quan, kết hợp với dự báo của BMI về ngành xây dựng, trong đó mảng xây dựng nhà ở, nhà không để ở, hạ tầng nước lần lượt có CAGR đạt 7,3%, 7,1% và 5,2%, qua đó, chúng tôi dự phóng sản lượng của NTP tăng trưởng với CAGR = 6,2%/năm.

Biểu đồ 10: Dự phóng sản lượng tiêu thụ của NTP giai đoạn năm 2025F – 2029F


Nguồn: FPTTS ước tính

Biểu đồ 11: Dự phóng doanh thu của NTP trong giai đoạn 2025F – 2029F


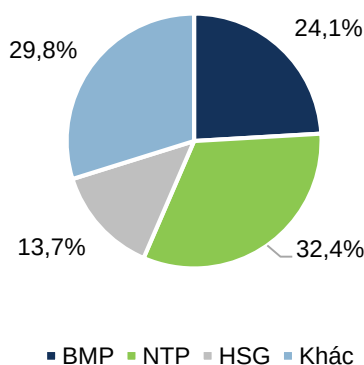
Nguồn: FPTTS ước tính

(2) Về giá bán niêm yết, theo chúng tôi, NTP có xu hướng giữ ổn định giá bán ống nhựa phân khúc dân dụng (PVC, PP-R) trong dài hạn, do (1) NTP có lợi thế về thương hiệu lâu đời, hệ thống phân phối phủ rộng, trong khi khách hàng chính của phân khúc này là khách hàng cá nhân, nhỏ lẻ, qua đó có khả năng quyết định giá bán và (2) cạnh tranh theo vùng do đặc thù ống không hiệu quả khi vận chuyển xa. Cụ thể, NTP là một trong các doanh nghiệp có quy mô lớn nhất trong ngành về công suất thiết kế (hiện đạt 190.000 nghìn tấn/năm), và dẫn đầu ngành về số lượng hệ thống cửa hàng phân phối và thị phần, đạt 32,4% tổng thị phần ngành trong 1H2025. Với giá bán ống nhựa phân khúc hạ tầng (HDPE), do khách hàng chính của phân khúc này là khách hàng lớn, đối mặt mức độ cạnh tranh cao, nên giá bán ra có xu hướng thay đổi rõ rệt hơn, chịu ảnh hưởng từ giải ngân đầu tư công.

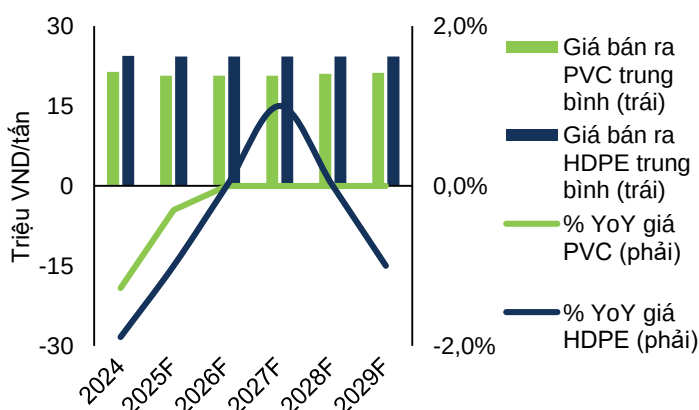
Bảng 1: Nhựa Tiền Phong có lợi thế về thương hiệu lâu đời hàng đầu trong ngành ống nhựa

STT	Thương hiệu	Thời điểm ra mắt thương hiệu
1	Nhựa Tiền Phong (HNX: NTP)	1960
2	Nhựa Bình Minh (HSX: BMP)	1977
3	Nhựa Đạt Hòa	1981
4	Dekko	1993
5	DNP (HSX: DNP)	1996
6	Dismy	2005
7	Nhựa Hoa Sen (HSX: HSG)	2008
8	Stroman	2016

Nguồn: FPTTS tổng hợp

Biểu đồ 12: NTP duy trì thị phần dẫn đầu ngành 9T/2025


Nguồn: FPTTS ước tính

Biểu đồ 13: Dự phóng giá bán ra PVC và HDPE trung bình của NTP giai đoạn 2025 – 2029F


Nguồn: FPTTS ước tính

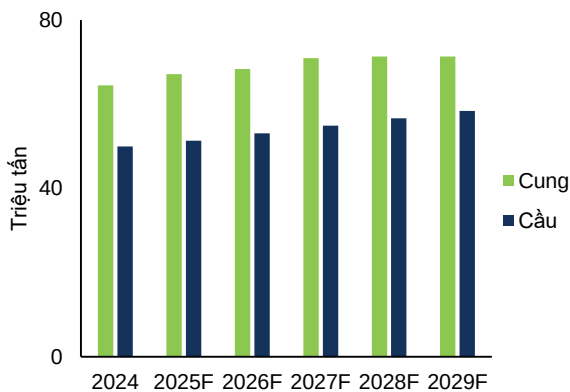
2. Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng tiếp tục neo cao do giá hạt nhựa dự báo giảm

Trong năm 2025, chúng tôi dự phóng biên lợi nhuận gộp của NTP neo cao ở mức 31,5% (+0,2 đpt) và trong giai đoạn năm 2026F – 2029F, chúng tôi dự phóng biên lợi nhuận gộp của NTP neo ổn định ở mức 31,5% do giá hạt nhựa PVC được dự báo tiếp tục duy trì ở mức thấp.

Cụ thể, trong năm 2025, giá hạt nhựa PVC dự báo đạt 18,8 triệu VND/tấn (-12% YoY), nguyên nhân đến từ (1) nhu cầu hạt nhựa tại các thị trường lớn trên thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ vẫn suy yếu và (2) giá dầu thô được dự báo duy trì ở mức thấp, đạt 69 USD/thùng (-14,8% YoY).

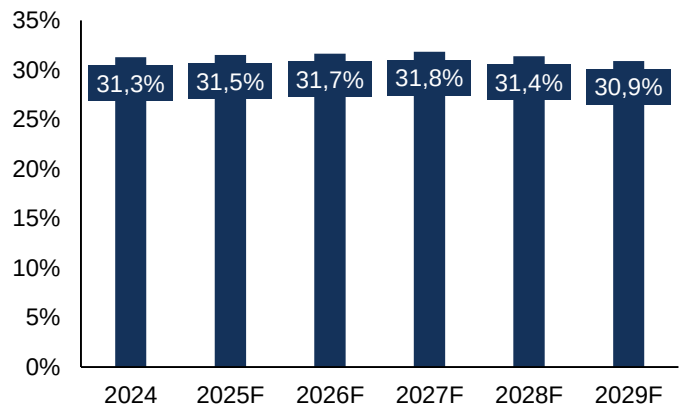
Trong giai đoạn năm 2026F – 2029F, giá hạt nhựa PVC dự báo vẫn chưa phục hồi được do tình trạng dư cung trong dài hạn. Cụ thể, nguồn cung được dự báo tiếp tục dư thừa so với cầu và có xu hướng mở rộng tại các thị trường lớn như Ấn Độ nằm tăng cường tự chủ để phục vụ ngành xây dựng nội địa, ngoài ra cũng tiếp tục mở rộng tại Trung Quốc.

Biểu đồ 14: Dự báo cung cầu hạt nhựa PVC giai đoạn 2025 - 2029



Nguồn: Chemical Market Analytics by OPIS, FPTS ước tính

Biểu đồ 15: Dự phóng biên lợi nhuận gộp của NTP giai đoạn 2025 - 2029



Nguồn: FPTS ước tính

Tuy nhiên, do giá hạt nhựa PVC chịu tác động từ giá nguyên liệu dầu thô, nên cũng chịu ảnh hưởng từ các yếu tố địa chính trị hiện nay như chính sách thuế quan của Mỹ và các cuộc xung đột ở các quốc gia Trung Đông. Chúng tôi duy trì dự phóng giá PVC sẽ tiếp tục neo ở mức thấp, khi đánh giá 02 sự kiện trên chưa có các diễn biến mới để tác động đáng kể đến giá hạt nhựa PVC.

IV. ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** cổ phiếu NTP với giá mục tiêu **74.100 VNĐ/cổ phiếu**, cao hơn **16,9%** so với giá đóng cửa ngày 17/11/2025. Chúng tôi xác định giá mục tiêu bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do vốn chủ sở hữu (FCFE) và phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do doanh nghiệp (FCFF).

Kết quả định giá:

Tổng hợp Phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền	Giá trị	Trọng số
Dòng tiền tự do chủ sở hữu (FCFE)	73.500	50%
Dòng tiền tự do doanh nghiệp (FCFF)	74.700	50%
Giá mục tiêu	74.100	

Tổng hợp định giá FCFF	Giá trị
Tổng giá trị hiện tại của dòng tiền doanh nghiệp (tỷ VND)	4.055
(+) Tiền mặt (tỷ VND)	3.024
(-) Nợ ngắn hạn và dài hạn (tỷ VND)	1.482
Giá trị vốn chủ sở hữu (tỷ VND)	12.775
Số cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)	171
Giá mục tiêu (VNĐ/cp)	74.700
Tổng hợp định giá FCFE	Giá trị
Giá trị hiện tại của dòng tiền vốn chủ sở hữu (tỷ VND)	4.412
Giá mục tiêu (VNĐ/cp)	73.500

Các giả định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền

Giả định mô hình	T10/2025	Thay đổi so với T5/2025	Giả định mô hình	Giá trị	Thay đổi so với T5/2025
WACC 2025	11,4%	+0,8 đpt	Phần bù rủi ro thị trường	10,35%	+0,48 đpt
Chi phí sử dụng nợ	3,8%	0 đpt	Hệ số Beta	0,80	0%
Chi phí sử dụng VCSH	15,1%	+1,7 đpt	Tăng trưởng dài hạn	1,5%	0 đpt
Lãi suất phi rủi ro	3,7%	+0,6 đpt	Thời gian dự phóng	5 năm	-

Lịch sử khuyến nghị



STT	Khuyến nghị	Thời gian	Giá khuyến nghị (đã điều chỉnh)	Báo cáo chi tiết
1	MUA	T7/2023	34.700	Báo cáo cập nhật tin tức
2	THEO DÕI	T3/2024	35.335	Báo cáo cập nhật tin tức
3	THEO DÕI	T7/2025	69.900	Báo cáo cập nhật tin tức

TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH DỰ PHÓNG

KQHKĐD	2023A	2024A	2025F	2026F
Doanh thu thuần	5.176	5.657	6.733	7.402
Giá vốn hàng bán	3.620	3.887	4.612	5.059
Lợi nhuận gộp	1.556	1.770	2.121	2.343
Chi phí bán hàng	66	92	145	151
Chi phí QLDN	159	139	165	203
Lợi nhuận thuần HKĐD	1.331	1.539	1.810	1.989
Lỗ/lãi HKĐC	(3)	1	45	39
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	90	49	65	91
LNTT	659	888	1.298	1.405
Thuế TNDN	100	153	223	241
LNST	559	736	1.075	1.164
<i>Lợi ích cổ đông thiểu số</i>	-	-	-	-
LNST công ty mẹ	559	736	1.075	1.164
EPS (VND)	4.166	3.000	3.220	3.220

Khả năng sinh lời	2023A	2024A	2025F	2026F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	30,1%	31,3%	31,5%	31,7%
Tỷ suất LNST	10,8%	13,0%	16,0%	3,0%
ROE DuPont	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
ROA DuPont	9,7%	12,8%	15,2%	14,1%
Tỷ suất EBIT/doanh thu	26,0%	27,7%	28,2%	28,1%
LNTT / EBIT	48,9%	56,7%	68,3%	67,6%
LNST/LNTT	84,9%	82,8%	82,8%	82,8%
Vòng quay TTS	90,2%	98,6%	95,3%	89,9%
Đòn bẩy tài chính	0,2%	0,2%	0,2%	0,2%

Hiệu quả hoạt động	2023A	2024A	2025F	2026F
Thời gian luân chuyển tiền	175,1	121,9	121,9	121,9
Số ngày phải thu	61,2	40,6	40,6	40,6
Số ngày tồn kho	136,0	101,6	101,6	101,6
Số ngày phải trả	102,64	94,56	96,06	96,06
COGS / Hàng tồn kho	3,1	3,9	3,6	3,6

Chỉ số TK/đòn bẩy TC	2023A	2024A	2025F	2026F
CS thanh toán hiện hành	1,5	1,6	1,7	1,8
CS thanh toán nhanh	1,0	1,3	1,3	1,5
CS thanh toán tiền mặt	0,6	1,1	1,1	1,2
Nợ/Tài sản	0,3	0,2	0,3	0,2
Nợ/Vốn CSH	0,5	0,4	0,5	0,4
Nợ ngắn hạn/VCSH	0,5	0,4	0,5	0,4
Nợ dài hạn/VCSH	0,0	0,0	0,0	0,0

Bảng cân đối kế toán	2023A	2024A	2025F	2026F
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	3.501	4.473	5.847	6.934
Tiền, TĐT và ĐTTC	1.435	3.025	3.747	4.627
Các khoản phải thu ngắn hạn	890	428	801	883
Hàng tồn kho	1.159	1.005	1.284	1.408
Tài sản ngắn hạn khác	18	15	15	15
Tài sản dài hạn	1.953	1.942	1.876	1.803
+ Nguyên giá tài sản CDHH	3.116	3.186	3.274	3.359
+ Khấu hao lũy kế	(1.795)	(1.928)	(2.082)	(2.240)
+ Giá trị còn lại tài sản CDHH	1.321	1.258	1.192	1.119
+ Đầu tư tài chính dài hạn	442	520	520	520
+ Tài sản dài hạn khác	134	145	145	145
+ Xây dựng cơ bản dở dang	47	11	11	11
TỔNG TÀI SẢN	5.454	6.415	7.723	8.737

NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	2.338	2.748	3.431	3.809
Nợ ngắn hạn	1.697	1.697	1.697	1.697
Vay nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn	201	231	272	272
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	38	24	26	26
Nợ dài hạn	965	998	1.038	1.038
Các khoản vay nợ dài hạn	-	-	109	109
Các khoản phải trả dài hạn	965	998	929	929
VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.054	3.235	3.361	3.361
+ Thặng dư	-	-	-	-
+ Vốn điều lệ	1.296	1.425	1.710	1.710
+ LN chưa phân phối	645	1.023	1.280	1.826
Vốn chủ sở hữu	3.115	3.666	4.292	4.927
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	5.454	6.415	7.723	8.737

Lưu chuyển tiền tệ	2023A	2024A	2025F	2026F
Tiền đầu năm	168	485	533	1.255
Lợi nhuận trước thuế	659	888	1.075	1.164
Khấu hao	159	149	154	158
Thay đổi VLD và điều chỉnh khác	470	1.193	(475)	(76)
Tiền từ HKĐD	1.179	2.064	711	1.204
Thanh lý tài sản cố định	1	1	-	-
Chi mua sắm TSCĐ	(87)	(76)	(87)	(85)
Các HĐ đầu tư khác	7	7	-	-
Tiền từ hoạt động đầu tư	(607)	(1.665)	(87)	(85)
+ Cổ tức đã trả	(259)	(130)	(356)	(428)
+ Tặng (giảm) vốn	-	-	-	-
+ Thay đổi nợ ngắn hạn	-	-	455	188
+ Thay đổi nợ dài hạn	-	-	-	-
+ Các hoạt động TC khác	-	-	-	-
Tiền từ hoạt động TC	(255)	(351)	99	(240)
Tổng lưu chuyển tiền tệ	317	48	722	880
Tiền cuối năm	485	533	1.255	2.135

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, phát hành và phân phối dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của FPTTS. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin từ báo cáo này.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS nắm giữ 0 cổ phiếu NTP, người phê duyệt và chuyên viên phân tích không nắm giữ cổ phiếu nào của doanh nghiệp này.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại <https://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính

Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường
Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

ĐT: 19006446

Fax: (84.24) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,
Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐT: 19006446

Fax: (84.28) 6 291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp. Đà Nẵng

100 Quang Trung, Phường Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng.

ĐT: 19006446

Fax: (84.236) 3553 888